

Số: 463 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 07 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 22 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2014
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hoạt động quan trắc,
cảnh báo môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch
bệnh động vật thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý
thông tin, dữ liệu liên quan quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19 tháng 3 năm 2021 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo
và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-TCTS-NTTS ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Cục Thủy sản phê duyệt hướng dẫn quan trắc, cảnh báo và giám sát môi
trường nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi
trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và
giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (*báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số 463 /QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh Gia Lai)

I. CÔNG TÁC QUAN TRẮC, CẢNH BÁO VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2024

Ngày 11/8/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 483/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; theo nội dung kế hoạch đề ra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thực hiện, ban hành Kế hoạch số 3176/KH-SNNPTNT ngày 18/8/2023 về việc quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2024.

Triển khai kịp thời chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1264/UBND-NL ngày 27/5/2024 về việc thực hiện Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, hiện nay, đơn vị quan trắc môi trường đang triển khai lấy mẫu, phân tích, báo cáo kết quả đánh giá chất lượng nước và đưa ra cảnh báo, khuyến cáo tại 02 điểm thuộc huyện Ia Grai (01 điểm tại hồ thủy điện Sê San 4, 01 điểm tại hồ thủy điện Ia Grai I); nhiệm vụ quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai dự kiến hoàn thành trong tháng 12 năm 2024.

Định hướng một số kết quả đạt được sau khi hoàn thành kế hoạch, bao gồm: Thích ứng kịp thời trong bối cảnh ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói chung, thủy sản nói riêng đang tái cấu trúc theo hướng phát triển bền vững và gia tăng giá trị. Đáp ứng hoàn thành nhiệm vụ công tác quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản đã và đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm chỉ đạo; phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo sản xuất, đồng thời kết quả quan trắc môi trường cũng là minh chứng thông tin phục vụ các đoàn thanh tra truy xuất nguồn gốc, đánh giá chứng nhận và định hướng kế hoạch phát triển, thu hút đầu tư về lĩnh vực thủy sản. Cảnh báo, dự báo, cung cấp thông tin, diễn biến chất lượng nước môi trường vùng nuôi, hướng dẫn các biện pháp xử lý, phòng ngừa khi môi trường thủy sản mất an toàn, giảm thiểu thiệt hại do môi trường gây ra, phòng ngừa hạn chế thấp nhất thiệt hại cho người nuôi thủy sản; hài hòa giữa bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác, sử dụng bền vững đa dạng sinh học thủy sinh vật và phát triển sinh kế của người dân nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin về quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản phục vụ hệ thống hóa trên nền dữ liệu số, công nghệ số, làm cơ sở dữ liệu môi trường, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia...

II. KẾ HOẠCH QUAN TRẮC, CẢNH BÁO VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản; đồng thời đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm thủy sản, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, đa dạng sinh học, động thực vật thủy sinh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Chủ động quan trắc, đánh giá, cảnh báo, giám sát sự biến động chất lượng nước nuôi trồng thủy sản kịp thời phát hiện nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- Hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp xử lý môi trường phù hợp, giúp tăng hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường.
- Tạo cơ sở để cơ quan quản lý các cấp hướng dẫn hoạt động sản xuất, lịch thời vụ nuôi trồng, khai thác, biện pháp xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Kết quả quan trắc và cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản được chuyển tải nhanh nhất đến các cơ quan quản lý, người nuôi và các tổ chức, cá nhân liên quan.
- Cung cấp được cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường thống nhất; cơ sở dữ liệu thông tin về quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản được hệ thống hóa.

2. Nội dung Kế hoạch

Triển khai hoạt động quan trắc, giám sát theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể:

2.1. Thông số, tần suất quan trắc, giám sát¹

- Thông số, tần suất quan trắc:

+ Nhóm I (16 thông số): Nhiệt độ nước, độ trong, DO (Oxy hòa tan), pH, $N-NH_4^+$, $N-NO_2^-$, $N-NO_3^-$, $P-PO_4^{3-}$, H_2S , COD (Oxy hóa học), TSS (Tổng chất

¹ Căn cứ: Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025; điểm a khoản 4.2.2 Mục 4. Nội dung thực hiện tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

rắn lơ lửng), mật độ và thành phần tảo độc, *Aeromonas* tổng số, *Streptococcus* sp, Coliform, thực vật phù du với tần suất quan trắc 2 lần/tháng, riêng tháng 4, 5, 6 hàng năm tăng tần suất 4 lần/tháng.

+ Nhóm II (04 thông số): Thuộc bảo vệ thực vật (01 nhóm Clo hữu cơ) và kim loại nặng Cd, Hg và Pb quan trắc với tần suất tối thiểu 3 lần/năm.

- Thông số, tần suất giám sát: Nhóm III (12 thông số): Nhiệt độ nước, độ trong, DO (Oxy hòa tan), pH, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, N-NO₃⁻, P-PO₄³⁻, H₂S, COD (Oxy hóa học), TSS (Tổng chất rắn lơ lửng), mật độ và thành phần tảo độc với tần suất quan trắc 4 lần/tháng.

2.2. Điểm, thời gian quan trắc, giám sát²

- Điểm quan trắc, giám sát được lựa chọn tại những hồ có diện tích mặt nước lớn, nuôi trồng thủy sản theo hình thức lồng bè phát triển.

+ Tổng 02 điểm, gồm 01 điểm tại huyện Đak Đoa (tại hồ thủy điện Đak Đoa), 01 điểm tại huyện Chư Prông (tại hồ thủy lợi Ia Mơr).

+ Thời gian quan trắc, giám sát: Dự kiến trong tháng 3 đến tháng 11 năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2.3. Phương pháp: Thực hiện theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu liên quan quan trắc môi trường; Quyết định số 513/QĐ-TCTS-NTTS ngày 28/12/2021 của Cục Thủy sản phê duyệt hướng dẫn quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 hoặc lựa chọn phương pháp quy định tại quy chuẩn quốc gia hiện hành, các phương pháp lấy mẫu đã được công nhận, đánh giá.

2.4. Dự kiến kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí: 180.472.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), trong đó:

- Dự kiến kinh phí thực hiện công tác quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2025: 162.305.040 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm lẻ năm nghìn không trăm bốn mươi đồng*).

- Dự kiến kinh phí để quan trắc môi trường đột xuất³: 18.166.960 đồng (*Mười tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng*). Quan

² Căn cứ: Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025, tỉnh Gia Lai thực hiện 08 điểm nuôi lồng, bè thủy sản nước ngọt; điểm b khoản 4.2.2 Mục 4. Nội dung thực hiện tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

³ Căn cứ: Khoản 15 Mục I và Mục IV Chương I Quyết định số 513/QĐ-TCTS-NTTS ngày 28/12/2021 của Cục Thủy sản về việc phê duyệt hướng dẫn quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 (yêu cầu lập dự toán cần dự trừ từ 10 - 20% kinh phí để quan trắc môi trường đột xuất).

trắc đột xuất được thực hiện khi xảy ra hiện tượng thủy sản chết hay khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng hoặc môi trường có diễn biến bất lợi cho đối tượng nuôi theo quy định. Trên cơ sở báo cáo của UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với Đơn vị quan trắc môi trường tham mưu triển khai thực hiện.

- Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong dự toán năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức triển khai các nội dung theo Kế hoạch này.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí để thực hiện Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định hiện hành.

- Căn cứ vào Kế hoạch này và các văn bản hướng dẫn liên quan, đơn đốc, chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Chủ trì, phối hợp với đơn vị quan trắc môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương tổ chức triển khai hiệu quả công tác quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản; thông báo kết quả quan trắc theo đợt, ngày lấy mẫu; tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thông tin, chia sẻ, tuyên truyền kết quả quan trắc môi trường năm 2025 gửi Cục Thủy sản, Cục Thú y, đồng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan theo đúng thời gian quy định.

- Phối hợp các địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, khuyến cáo, cảnh báo cho người nuôi trồng thủy sản tại các khu vực được quan trắc và trên toàn địa bàn tỉnh biết, chủ động ứng phó và tổ chức thực hiện các hoạt động thủy sản đạt hiệu quả.

2. Sở Tài chính: Căn cứ vào Kế hoạch này, dự kiến kinh phí nêu tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và trên cơ sở dự toán kinh phí để thực hiện Kế hoạch được tổng hợp chung trong dự toán năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, thẩm định chi tiết thông số, tần suất, địa điểm và thời gian thực hiện, tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt thuộc nhiệm vụ hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường; cung cấp thông tin, kết quả quan trắc môi trường có liên quan.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở, thông tin, tuyên truyền, phổ biến những nội dung có liên quan của Kế hoạch này và các văn bản hướng dẫn, khuyến cáo, cảnh báo về quan trắc môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Sở Công Thương: Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao, chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn và tổ chức, cá nhân có liên quan đẩy mạnh và tạo điều kiện thực hiện công tác quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo giao các phòng, ban, cơ quan, đơn vị có liên quan tại địa phương:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, các cơ quan liên quan và đơn vị quan trắc môi trường triển khai, thực hiện các nội dung kế hoạch quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

- Cử người giám sát, lưu giữ hình ảnh minh chứng thực tế, tọa độ vị trí việc lấy mẫu nước đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y, các cơ quan liên quan do đơn vị quan trắc môi trường trực tiếp thực hiện tại địa bàn; tham gia tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu, phân tích mẫu quan trắc môi trường khi được tổ chức; trường hợp khi có đủ năng lực, chứng chỉ, chứng nhận lấy mẫu theo quy định thực hiện lấy mẫu thu mẫu nước phân tích gửi đơn vị quan trắc môi trường khi được đề nghị (mọi chi phí do đơn vị quan trắc chi trả).

- Sau khi có báo cáo kết quả quan trắc của cơ quan chuyên môn, tiến hành cảnh báo và giám sát môi trường các khu vực thực hiện quan trắc, thông báo cho người dân trên địa bàn biết, chủ động ứng phó, làm cơ sở để triển khai các biện pháp quản lý các yếu tố môi trường trong quá trình nuôi trồng thủy sản.

- Hướng dẫn chủ cơ sở, hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quản lý chủ động theo dõi, giám sát môi trường tại khu vực nuôi trồng thủy sản; ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu thu thập, các biện pháp xử lý môi trường vượt ngưỡng cho phép theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thủy sản và đơn vị thực hiện quan trắc; cung cấp thông tin, số liệu về quan trắc môi trường, phòng bệnh động vật thủy sản nuôi khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý triển khai thực hiện hoạt động quan trắc môi trường kịp thời, hiệu quả. Xác định vị trí, địa điểm, tình hình khi xảy ra hiện tượng thủy sản chết hay khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng hoặc môi trường có diễn biến bất lợi cho đối tượng nuôi (nếu có) nằm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, kiểm tra, xác nhận hiện trường báo cáo kịp thời gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với Đơn vị quan trắc môi trường tham mưu triển khai thực hiện và sử dụng kinh phí quan trắc môi trường đột xuất theo quy định.

- Dựa trên kết quả thích hợp của chất lượng nước, tuyên truyền, liên kết, giới thiệu, thu hút đầu tư thủy sản tại địa bàn và các địa bàn lân cận trong tỉnh.

- Trường hợp điểm quan trắc, giám sát tại khoản 2.2 Mục II Kế hoạch này không còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương (nếu có), báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31/12/2024 để kịp thời tham mưu theo quy định.

7. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản

- Tham gia giám sát chất lượng nước tại cơ sở sản xuất của mình.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước thủy sản trong quan trắc, giám sát và cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Kịp thời thông báo các diễn biến bất thường của môi trường nuôi trồng thủy sản và báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước thủy sản tại địa bàn.

- Ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu thu thập, các biện pháp xử lý môi trường vượt ngưỡng cho phép theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thủy sản và đơn vị thực hiện quan trắc.

Trên đây là Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.



PHỤ LỤC 1: DỰ KIẾN HÌNH THỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC LẤY MẪU QUAN TRẮC, CẢNH BÁO VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 463 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Các tháng trong năm	Quy định Quan trắc			Quy định Giám sát	Quy định mẫu thực tế, thông số trên 01 điểm				Dự kiến điểm thực hiện năm 2025		Tổng mẫu thực tế năm 2025
		Nhóm I (16 thông số)	Nhóm II (04 thông số)	Nhóm III (12 thông số)		Mẫu thực tế	Thông số phân tích	Phương pháp	Hình thức thực hiện	Hồ thủy điện Đak Đoa (Đak Đoa)	Hồ thủy lợi Ia Mor (Chư Prông)	
1	Tháng 3	01 mẫu	01 mẫu	01 mẫu	01 mẫu	20 thông số	Phân tích chung tất cả thông số đánh giá cho 3 nhóm I, II, III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu và hướng dẫn phương pháp đo, lấy mẫu, bảo quản, gửi mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	
2	Tháng 4	01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu	

TT	Các tháng trong năm	Quy định Quan trắc		Quy định Giám sát	Quy định mẫu thực tế, thông số trên 01 điểm				Dự kiến điểm thực hiện năm 2025		Tổng mẫu thực tế năm 2025
		Nhóm I (16 thông số)	Nhóm II (04 thông số)	Nhóm III (12 thông số)	Mẫu thực tế	Thông số phân tích	Phương pháp	Hình thức thực hiện	Hồ thủy điện Đak Đoa (Đak Đoa)	Hồ thủy lợi Ia Mor (Chư Prông)	
3	Tháng 5	01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
4	Tháng 6	01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu

TT	Các tháng trong năm	Quy định Quan trắc		Quy định Giám sát	Quy định mẫu thực tế, thông số trên 01 điểm				Dự kiến điểm thực hiện năm 2025		Tổng mẫu thực tế năm 2025
		Nhóm I (16 thông số)	Nhóm II (04 thông số)	Nhóm III (12 thông số)	Mẫu thực tế	Thông số phân tích	Phương pháp	Hình thức thực hiện	Hồ thủy điện Đak Đoa (Đak Đoa)	Hồ thủy lợi Ia Mor (Chư Prông)	
5	Tháng 7	01 mẫu	01 mẫu	01 mẫu	01 mẫu	20 thông số	Phân tích chung tất cả thông số đánh giá cho 3 nhóm I, II, III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
6	Tháng 8	01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu

TT	Các tháng trong năm	Quy định Quan trắc		Quy định Giám sát	Quy định mẫu thực tế, thông số trên 01 điểm				Dự kiến điểm thực hiện năm 2025		Tổng mẫu thực tế năm 2025
		Nhóm I (16 thông số)	Nhóm II (04 thông số)	Nhóm III (12 thông số)	Mẫu thực tế	Thông số phân tích	Phương pháp	Hình thức thực hiện	Hồ thủy điện Đak Đoa (Đak Đoa)	Hồ thủy lợi Ia Mor (Chư Prông)	
7	Tháng 9	01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
8	Tháng 10	01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu

TT	Các tháng trong năm	Quy định Quan trắc		Quy định Giám sát	Quy định mẫu thực tế, thông số trên 01 điểm				Dự kiến điểm thực hiện năm 2025		Tổng mẫu thực tế năm 2025
		Nhóm I (16 thông số)	Nhóm II (04 thông số)	Nhóm III (12 thông số)	Mẫu thực tế	Thông số phân tích	Phương pháp	Hình thức thực hiện	Hồ thủy điện Đak Đoa (Đak Đoa)	Hồ thủy lợi Ia Mơr (Chư Prông)	
9	Tháng 11	01 mẫu	01 mẫu	01 mẫu	01 mẫu	20 thông số	Phân tích chung tất cả thông số đánh giá cho 3 nhóm I, II, III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
				01 mẫu	01 mẫu	12 thông số	Phân tích đánh giá thông số Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
		01 mẫu		01 mẫu	01 mẫu	16 thông số	Phân tích thông số Nhóm I kế thừa đánh giá cho Nhóm III	Đơn vị quan trắc đi trực tiếp lấy mẫu	01 mẫu	01 mẫu	02 mẫu
TỔNG SỐ		24 mẫu Đáp ứng đủ tần suất quan trắc 2 lần/tháng, riêng tháng 4, 5, 6 hàng năm tăng tần suất 4 lần/tháng (tương ứng 24 mẫu/năm)	03 mẫu Đáp ứng đủ tần suất 3 lần/năm (tương ứng 3 mẫu/năm)	36 mẫu Đáp ứng đủ tần suất quan trắc 4 lần/tháng (tương ứng 36 mẫu/năm)	36 mẫu thực tế	Đáp ứng đủ tất cả các thông số quy định (12 lần phân tích nhóm 12 thông số ⁽¹⁾ ; 21 lần phân tích nhóm 16 thông số ⁽²⁾ ; 03 lần phân tích nhóm 20 thông số ⁽³⁾)	Tổng 36 mẫu phân tích/điểm (36 mẫu phân tích/36 phiếu kết quả/điểm)	Đi trực tiếp lấy mẫu tổng 36 lần/điểm	36 mẫu phân tích/điểm	36 mẫu phân tích/điểm	Tổng 72 mẫu phân tích/72 phiếu kết quả/02 điểm

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Nhóm 12 thông số gồm: 1. Nhiệt độ nước, 2. Độ trong, 3. DO (Oxy hòa tan), 4. pH, 5. N-NH₄⁺, 6. N-NO₂⁻, 7. N-NO₃⁻, 8. P-PO₄³⁻, 9. H₂S, 10. COD (Oxy hóa học), 11. TSS (Tổng chất rắn lơ lửng), 12. Mật độ và thành phần tảo độc.
- ⁽²⁾ Nhóm 16 thông số gồm: 1. Nhiệt độ nước, 2. Độ trong, 3. DO (Oxy hòa tan), 4. pH, 5. N-NH₄⁺, 6. N-NO₂⁻, 7. N-NO₃⁻, 8. P-PO₄³⁻, 9. H₂S, 10. COD (Oxy hóa học), 11. TSS (Tổng chất rắn lơ lửng), 12. Mật độ và thành phần tảo độc.
13. Aeromonas tổng số, 14. Streptococcus sp, 15. Coliform, 16. Thực vật phù du.
- ⁽³⁾ Nhóm 20 thông số gồm: 1. Nhiệt độ nước, 2. Độ trong, 3. DO (Oxy hòa tan), 4. pH, 5. N-NH₄⁺, 6. N-NO₂⁻, 7. N-NO₃⁻, 8. P-PO₄³⁻, 9. H₂S, 10. COD (Oxy hóa học), 11. TSS (Tổng chất rắn lơ lửng), 12. Mật độ và thành phần tảo độc, 13. Aeromonas tổng số, 14. Streptococcus sp, 15. Coliform, 16. Thực vật phù du, 17. Thuốc bảo vệ thực vật, 18. Cd, 19. Hg, 20. Pb.



**Phụ lục 1: DỰ KIẾN KINH PHÍ QUAN TRẮC, CẢNH BÁO VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG
TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2025**
(*Kèm theo Quyết định số 463 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai*)

TT	Nội dung, thông số quan trắc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	
TỔNG KINH PHÍ (A+B)						Tổng kinh phí phân bổ năm 2025 tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh.
A. Kinh phí thực hiện công tác quan trắc năm 2025 (I+II)						162.305.040
I. Chi phí phân tích mẫu (1+2+3)						Thanh toán theo thực tế đảm bảo không vượt, phát sinh giá dự toán kinh phí đã được phê duyệt.
1. Phân tích 06 lần nhóm 20 thông số (03 lần phân tích x 02 điểm lấy mẫu)						20.184.000
1	Nhiệt độ nước	Lần	6	30.000	180.000	

TT	Nội dung, thông số quan trắc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
2	Độ trong	Lần	6	30.000	180.000	
3	DO (Oxy hòa tan)	Lần	6	30.000	180.000	
4	pH	Lần	6	30.000	180.000	
5	N-NH ₄ ⁺	Lần	6	120.000	720.000	
6	N-NO ₂ ⁻	Lần	6	100.000	600.000	
7	N-NO ₃ ⁻	Lần	6	120.000	720.000	
8	P-PO ₄ ³⁻	Lần	6	120.000	720.000	
9	H ₂ S	Lần	6	120.000	720.000	
10	COD (Oxy hóa học)	Lần	6	120.000	720.000	
11	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	Lần	6	100.000	600.000	
12	Mật độ và thành phần tảo độc	Lần	6	190.000	1.140.000	
13	<i>Aeromonas</i> tổng số	Lần	6	188.000	1.128.000	
14	<i>Streptococcus</i> sp	Lần	6	188.000	1.128.000	

TT	Nội dung, thông số quan trắc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
15	Coliform	Lần	6	188.000	1.128.000	
16	Thực vật phù du	Lần	6	190.000	1.140.000	
17	Thuốc bảo vệ thực vật (01 nhóm Clo hữu cơ)	Lần	6	1.000.000	6.000.000	
18	Cd	Lần	6	150.000	900.000	
19	Hg	Lần	6	200.000	1.200.000	
20	Pb	Lần	6	150.000	900.000	
2. Phân tích 42 lần nhóm 16 thông số (21 lần phân tích x 02 điểm)					78.288.000	
1	Nhiệt độ nước	Lần	42	30.000	1.260.000	
2	Độ trong	Lần	42	30.000	1.260.000	
3	DO (Oxy hòa tan)	Lần	42	30.000	1.260.000	
4	pH	Lần	42	30.000	1.260.000	
5	N-NH ₄ ⁺	Lần	42	120.000	5.040.000	
6	N-NO ₂ ⁻	Lần	42	100.000	4.200.000	

TT	Nội dung, thông số quan trắc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
7	N-NO ₃ ⁻	Lần	42	120.000	5.040.000	
8	P-PO ₄ ³⁻	Lần	42	120.000	5.040.000	
9	H ₂ S	Lần	42	120.000	5.040.000	
10	COD (Oxy hóa học)	Lần	42	120.000	5.040.000	
11	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	Lần	42	100.000	4.200.000	
12	Mật độ và thành phần tảo độc	Lần	42	190.000	7.980.000	
13	<i>Aeromonas</i> tổng số	Lần	42	188.000	7.896.000	
14	<i>Streptococcus</i> sp	Lần	42	188.000	7.896.000	
15	Coliform	Lần	42	188.000	7.896.000	
16	Thực vật phù du	Lần	42	190.000	7.980.000	
3. Phân tích 24 lần nhóm 12 thông số (12 lần phân tích x 02 điểm)					26.640.000	
1	Nhiệt độ nước	Lần	24	30.000	720.000	
2	Độ trong	Lần	24	30.000	720.000	

TT	Nội dung, thông số quan trắc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
3	DO (Oxy hòa tan)	Lần	24	30.000	720.000	
4	pH	Lần	24	30.000	720.000	
5	N-NH ₄ ⁺	Lần	24	120.000	2.880.000	
6	N-NO ₂ ⁻	Lần	24	100.000	2.400.000	
7	N-NO ₃ ⁻	Lần	24	120.000	2.880.000	
8	P-PO ₄ ³⁻	Lần	24	120.000	2.880.000	
9	H ₂ S	Lần	24	120.000	2.880.000	
10	COD (Oxy hóa học)	Lần	24	120.000	2.880.000	
11	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	Lần	24	100.000	2.400.000	
12	Mật độ và thành phần tảo độc	Lần	24	190.000	4.560.000	
II. Chi phí phục vụ công tác lấy mẫu tại các huyện Đak Đoa, Chư Prông (36 lần lấy mẫu/9 tháng triển khai, 04 ngày/tháng/lần lấy mẫu)					37.193.040	
1	Chi phí đi lại				30.443.040	

TT	Nội dung, thông số quan trắc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1.1	Từ Pleiku đi hồ thủy điện Đak Đoa (huyện Đak Đoa)	Km	2.160	4.228	9.132.912	Khoản 0,2 lít/km, giá xăng 21.141 đồng/lít. Dự kiến 30 km/lượt, 72 lượt đi và về.
1.2	Từ Pleiku đi hồ thủy lợi Ia Mơr (huyện Chư Prông)	Km	5.040	4.228	21.310.128	Khoản 0,2 lít/km, giá xăng 21.141 đồng/lít. Dự kiến 70 km/lượt, 72 lượt đi và về.
2	Chi phí thuê phòng nghỉ	Đêm	27	250.000	6.750.000	Giá phòng nghỉ dự kiến 250.000 đồng/đêm/phòng/người x 03 đêm/04 ngày/tháng x 09 tháng.
B. Dự trừ kinh phí quan trắc môi trường đột xuất					18.166.960	Khoản 15 Mục I Quyết định số 513/QĐ-TCTS-NTTS ngày 28/12/2021 của Cục Thủy sản. Trên cơ sở báo cáo của UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với Đơn vị quan trắc môi trường tham mưu triển khai thực hiện.